

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ - ST

Ngày 30 – 8 - 2024.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L – TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tạ Thị Hồng Ngân**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Hà Thanh Phong.**

2. Ông Trần Gia Phụng.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Hoàng Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tri** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở TAND huyện L tỉnh Phú Thọ, TAND huyện L mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 149/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28A/2024/QĐXX-ST ngày 22/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST - HNGĐ ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Quốc T, sinh năm 1988 (Vắng mặt, Có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKHKTT: Số 3, phố T1, phường V, quận H1, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

ĐKHKTT: Khu 12, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lưu Quốc T trình bày: Chị và anh Lê Văn H đăng ký kết hôn ngày 12/12/2014 tại UBND phường Y, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn do anh H chơi bời, không tu chí làm ăn và có quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2021 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn đối với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nhật H1, sinh ngày 14/02/2015. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu H1 sống cùng chị T. Nếu ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh H biết và thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nH1 anh H đều không có mặt và không có lý do chính đáng. Do đó không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Lưu Quốc T có yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn H và đề nghị Tòa án giải quyết về con chung khi ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.

- Quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Lê Văn H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nH1 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Quốc T và anh Lê Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội phù hợp với Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

theo chị T trình bày thì vợ chồng mâu thuẫn là do anh H chơi bời, không tu chí làm ăn và có quan hệ tình cảm với người khác. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì được cung cấp: Vợ chồng chị T, anh H trước đây có chung sống tại địa phương nH1 hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị T chuyển ra khỏi nhà anh H từ năm 2021 đến nay không quay lại. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của anh chị như thế nào thì khu dân cư không nắm rõ. Đồng thời đại diện khu dân cư cũng cho biết anh H hiện đang làm việc ở thành phố Hà Nội nH1 cũng không biết địa chỉ cụ thể, anh H có nhà ở tại khu 12, xã T, huyện L nH1 hiện nay không có người ở, thỉnh thoảng anh H có về nhà ở một vài ngày. Ngoài ra cùng với việc gửi các văn bản tố tụng của Tòa án thì cán bộ Tòa án cũng đã nhiều lần liên lạc với anh H để thông báo về việc Tòa án thụ lý Đơn khởi kiện của chị T và báo anh H đến Tòa án làm việc, anh H đã tiếp nhận thông tin nH1 sau đó đều không có mặt theo thông báo của Tòa án. Do không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng nên Tòa án đã tiến hành xác minh và làm các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để anh H biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Hiết thời hạn thông báo theo quy định, anh H vẫn cố tình vắng mặt mặc dù đã biết được việc khởi kiện của chị T. Như vậy, anh H đã mặc nhiên từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T vẫn kiên quyết xin được ly hôn đối với anh H vì tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng sống ly thân đã lâu. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của chị T, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Vì vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T xác nhận là vợ chồng có 01 con chung là Lê Nhật H1, sinh ngày 14/02/2015. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng chị. Quá trình giải quyết vụ án, chị T xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của chị T là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật vì chị T hiện có nơi ở và thu nhập ổn định để đủ điều kiện nuôi con. Tại Bản tự khai cháu H1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H không có mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con chung. Ngoài ra, từ khi bố mẹ ly thân, cháu H1 ở cùng với mẹ và vẫn được chăm sóc tốt cả về thể chất và tinh thần. Do đó, để tránh việc xáo trộn trong sinh hoạt hàng ngày của cháu và cũng để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu nên cần giao cháu H1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T có quan điểm nếu được giao nuôi con chị sẽ không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi

con chung cùng chị. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Quá trình giải quyết chị T xác nhận vợ chồng không có nên HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết. Nếu sau này anh H có đề nghị giải quyết về tài sản chung của vợ chồng thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên có quan điểm: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Quốc T. Xử cho chị Lưu Quốc T được ly hôn với đối với anh Lê Văn H.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung là cháu Lê Nhật H1, sinh ngày 14/02/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Tài sản chung, nợ chung và công sức: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lưu Quốc T phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Cho ly hôn giữa chị Lưu Quốc T và anh Lê Văn H.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Lưu Quốc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lê Nhật H1, sinh ngày 14/02/2015 cho đến khi cháu H1 thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lưu Quốc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. NH1 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001671 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Lưu Quốc T và anh Lê Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh, huyện;
- THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND P.Y, Q.H, TP Hà Nội;
(ĐKKH năm 2015)
- Lưu: HS- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Hồng Ngân